

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Khổng tử, P. Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3896 0240 - Fax: (08) 3896 0241

Website: www.capnuocthuduc.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
NĂM 2013

Tp.HCM, Ngày 24 tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	3
I. Thông tin tổng quát	3
II. Quá trình hình thành và phát triển.	3
2.1 Quá trình thành lập	3
2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần	3
2.3 Niêm yết chứng khoán	4
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh	4
3.2 Địa bàn kinh doanh	5
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4.1 Mô hình quản trị.....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
V. Định hướng phát triển.....	6
5.1 Các mục tiêu chủ yếu	6
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	6
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.....	6
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013	7
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013	7
II. Tổ chức nhân sự.....	7
2.1 Danh sách Viên chức quản lý.....	7
2.2 Tóm tắt lý lịch Viên chức quản lý.....	8
2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành	10
2.4 Số lượng CBCNV	10
2.5 Chính sách đối với người lao động	10
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	12
IV. Tình hình tài chính	12
4.1 Tình hình tài chính	12
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	12
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
5.1 Cổ phần	13
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	13
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ	13
5.5 Các chứng khoán khác	14

5.6 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.....	14
PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	15
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu	15
1.2 Những tiến bộ đã đạt được	21
II. Tình hình tài chính	21
2.1 Tình hình tài sản.....	21
2.2 Tình hình nợ phải trả.....	21
III. Kế hoạch phát triển năm 2014.....	21
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT.....	22
I. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2013.....	24
1.1 Sản lượng nước tiêu thụ	24
1.2 Tổng doanh thu	24
1.3 Lợi nhuận sau thuế	24
1.4 Công tác đầu tư XD CB	25
II. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc	25
III. Định hướng của HĐQT	25
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
I. Hội đồng quản trị	26
1.1 Thành viên và cơ cấu	26
1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	26
1.3 Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS	26
1.4 Hoạt động của HĐQT	26
1.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành	28
1.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị	28
II. Ban Kiểm soát.....	28
2.1 Thành viên và cơ cấu	28
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát.....	28
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý	29
3.1 Các khoản lương, thù lao của HĐQT.....	29
3.2 Các khoản lương, thù lao của Ban kiểm soát.....	29
3.3 Các khoản lương, thù lao của Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý	30
3.4 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	30
3.5 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	31
PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2013	32

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (08) 3896 2040.
- Fax: (08) 3896 0241.
- Website: www.capnuocthuduc.vn
- Mã chứng khoán: TDW

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

2.1 Quá trình thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có lịch sử hình thành như sau:

Ngày 31/07/1992 Sở Giao thông Công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;

Ngày 12/01/2005, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức;

Ngày 31/8/2005 Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn;

2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

2.3 Niêm yết chứng khoán.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.

- lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Khu vực Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức và một phần tỉnh Bình Dương.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

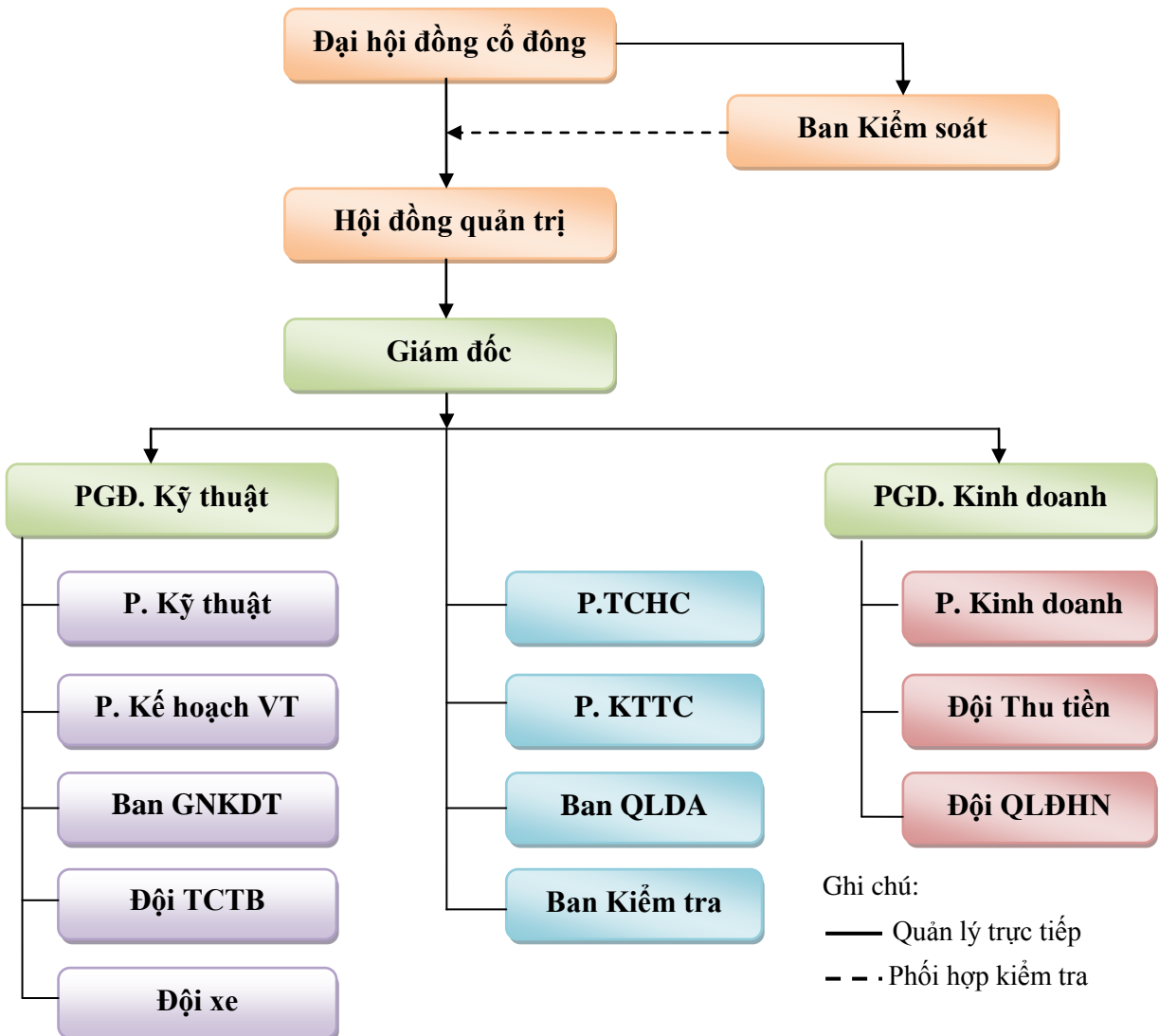
4.1 Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành (đứng đầu là Giám đốc).

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiếp tục duy trì công tác từ thiện, góp phần chăm lo cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
A. KINH DOANH				
1. Nước cung cấp	1000m ³	45.300	46.760	103,22
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	408.475	421.254	103,13
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99	99,46	100,46
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	11.000	11.169	101,54
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	11.000	15.585	141,68
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	30	50	166,67
7. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	86,5	86,81	100,36
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	24,09	23,48	102,60
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước:				
- Số lượng dự án	dự án	1	2	200,00
- Khối lượng đường ống	mét	5.000	9.285	185,70
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	14.080	13.162	93,48
2. Cải tạo mạng lưới cấp nước:				
- Số lượng dự án	dự án	4	4	100,00
- Khối lượng đường ống	mét	12.485	14.035	112,41
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	22.700	35.861	157,98

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Danh sách viên chức quản lý

- Huỳnh Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT.
- Nguyễn Văn Dụ – Thành viên HĐQT.
- Nguyễn Việt Cường – Thành viên HĐQT.
- Trịnh Tuấn Minh – Thành viên HĐQT.
- Nguyễn Xuân Cầu – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Nguyễn Hoài Nam – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc

- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Kế toán trưởng.

2.2 Tóm tắt lý lịch Viên chức quản lý.

▪ **Huỳnh Tuấn Anh**

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Năm sinh: 26/01/1970. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 20 đường 13, P.Bình Trị Đông B, Q.Tân Bình. HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không.
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

▪ **Nguyễn Văn Dụ**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT.
- Năm sinh: 02/12/1959. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 67 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp; Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không.
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

▪ **Nguyễn Xuân Cầu**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
- Năm sinh: 13/10/1954. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Lầu 1, số 8 Bà Huyện Thanh Quan, P6, Q3, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.400 cổ phần.
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

▪ **Nguyễn Hoài Nam**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc.
- Năm sinh: 11/11/1973. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

▪ **Trịnh Tuấn Minh**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT.
- Năm sinh: 23/8/1979. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 29 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế;Thạc sĩ Tài chính – Đại học New South Wales, Sydney - Úc.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Cổ phần đại diện: Không

▪ **Nguyễn Việt Cường**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT.
- Năm sinh: 27/10/1976. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 2/30 Núi Thành, quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Tín dụng – Đại học Kinh tế.Chuyên viên Kế toán, Kiểm toán Quốc tế - The Association of Chartered Certified Accountants (ACCA) – United Kingdom.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Cổ phần đại diện: Không

▪ **Lâm Tứ Duy**

- Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Năm sinh: 04/7/1977. Giới tính: Nam.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 10/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Trung Chánh, Hóc Môn, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ Kỹ thuật.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: Không
- Cổ phần đại diện: Không.

▪ **Nguyễn Thị Ngọc Hạnh**

- Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Năm sinh: 02/6/1970. Giới tính: Nữ.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 105/13 đường 8, Kp3 phường Linh Trung, quận Thủ Đức
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: không.
- Cổ phần đại diện: không.

2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành (Giám đốc, PGĐ, Kế toán trưởng)

- Trong năm 2013, Nhân sự Ban điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức không thay đổi so với năm 2012.

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số cán bộ, nhân viên: 336 người, trong đó:
- Trên đại học: 05 người.
- Đại học: 80 người.
- Cao đẳng: 29 người.
- Trung học chuyên nghiệp: 52 người.
- Công nhân kỹ thuật: 140 người.
- Chưa qua đào tạo: 30 người.

2.5 Chính sách đối với người lao động:

2.5.1 Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghi Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

2.5.2 Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Năm 2013, Công ty phối hợp với Trung tâm Đào tạo ngành nước Miền nam để mở lớp đào tạo nâng cao tay nghề cho 53 công nhân lao động. Ngoài ra, công ty còn cử 79 lượt cán bộ công nhân lao động tham gia nhiều lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn.

2.5.3 Chính sách lương, thưởng:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Hàng tháng, người lao động được lĩnh lương theo lương cơ bản và lương năng suất .

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

2.5.4 Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động, như đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNLD khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNLD. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để hỗ trợ cho con CBCNLD có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các chuyên đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNLD.
- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNLD theo đúng quy định.

- Mua bảo hiểm rủi ro cho người lao động với mức bồi thường tối đa là 20 triệu đồng/người/vụ tai nạn.
- Tặng quà sinh nhật cho CBCNLD, mỗi phần quà trị giá 300.000 đồng.
- Chi quà Tết Nguyên đán là 750.000 đ/phần quà.
- Tổng số tiền ủng hộ cho các hoạt động xã hội, từ thiện là 369 triệu đồng

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2013, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triển khai thực hiện nhiều dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, trong đó một số dự án lớn có vốn đầu tư trên 8 tỷ đồng gồm:

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Sửa chữa ống mục khu vực quận 2	5.605	12,687
2	Sửa chữa ống mục khu vực quận Thủ Đức	4.988	10,044
3	Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 5	7.022	9,072

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: không có.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	323.921.819.446	333.058.142.993	+ 2,82
Doanh thu thuần	363.580.967.620	428.945.104.331	+ 17,98
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.806.016.247	25.002.023.162	+ 5,02
Lợi nhuận khác	2.059.157.036	2.123.299.712	+ 3,11
Lợi nhuận trước thuế	25.865.173.283	27.125.322.874	+ 4,87
Lợi nhuận sau thuế	20.332.619.411	21.456.082.108	+ 5,53

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Nội dung	Đvt	Kỳ trước (2012)	Kỳ báo cáo (2013)
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)		1,19	1,28
	Hệ số thanh toán nhanh		1,05	1,21
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		

Stt	Nội dung	Đvt	Kỳ trước (2012)	Kỳ báo cáo (2013)
	Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,61	0,6
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		1,58	1,53
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
	Vòng quay hàng tồn kho		19,06	28,12
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1,12	1,29
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	Hs lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5,59	5,00
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		16,22	16,29
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6,28	6,44
	Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần		7,11	6,32

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 14/03/2014 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/3/2014 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam cung cấp).

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông lớn	7.999.720	94,11
2	Cổ đông nhỏ	500.280	5,89
3	Cổ đông là cá nhân	285.922	3,36
	<i>Cá nhân trong nước</i>	225.162	2,65
	<i>Cá nhân nước ngoài</i>	60.760	0,71
4	Cổ đông là tổ chức	8.214.078	96,64
	<i>Tổ chức trong nước</i>	8.074.898	95,00
	<i>Tổ chức nước ngoài</i>	139.180	1,64
5	Cổ đông nhà nước	4.335.000	51,00
6	Cổ đông khác	4.165.000	49,00

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

5.6 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.

- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam:
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 850.000 cổ phiếu (10%)
 - Số lượng cổ phiếu đã bán: 850.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 0 cổ phiếu.
 - Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: 30/8/2013.
- VoF Investment limited
- Giao dịch lần thứ nhất:
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 2.550.000 cổ phiếu (30%)
 - Số lượng cổ phiếu đã bán: 1.266.500 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 1.283.500 cổ phiếu (15,1%).
 - Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: 30/9/2013.
- Giao dịch lần thứ hai:
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 1.283.500 cổ phiếu (15,1%).
 - Số lượng cổ phiếu đã bán: 1.283.500 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 0cổ phiếu.
 - Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: Từ 25/11/2013 đến 24/12/2013.

PHẦN III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu.

Mặc dù năm 2013 Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do các yếu tố biến động giá thị trường, thiếu nguồn vốn để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước... Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

1.1.1. Sản lượng nước cung cấp:

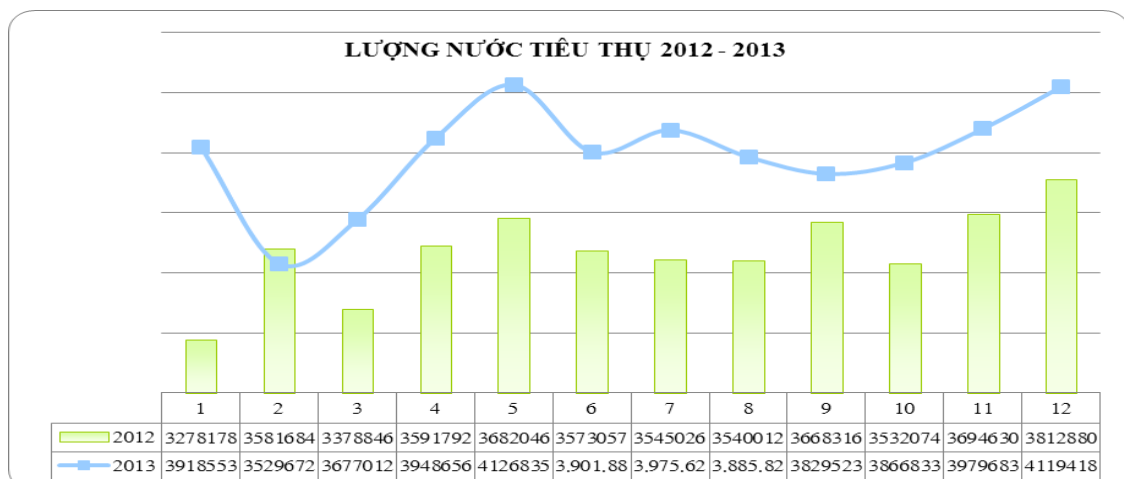
Sản lượng nước cung cấp năm 2013 đạt 46.759.521 m³, bằng 103,22 % so với kế hoạch năm, tăng 3,88 triệu m³ so với năm 2012.

Để đạt được kết quả khả quan như trên chủ yếu vì từ cuối năm 2012 Công ty đã có sự đầu tư lớn trong việc phát triển mạng lưới cấp nước cho khu vực phường Hiệp Bình Phước; tại khu vực này cuối năm 2012 chỉ có 2.162 ĐHN nhưng đến cuối 2013 đã cơ bản giải quyết tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt với hơn 7.547 ĐHN đã được lắp đặt (đây là khu vực đã có kiến nghị nhiều lần của cử tri). Sản lượng nước cung cấp trung bình năm 2012 là 3,57 triệu m³/tháng nay đã tăng lên 3,9 triệu m³/tháng, chứng tỏ việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước tại phường Hiệp Bình Phước đã mang lại hiệu quả rất lớn.

Trong năm 2013 khách hàng đã đầu tư 5.041 m ống cái góp phần không nhỏ trong việc phủ kín mạng lưới cấp nước, nâng tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch và sản lượng nước cung cấp của Công ty.

Công ty cũng đã điều phối 23.981 chuyến xe bồn đến các hộ dân tại khu vực phường Linh Trung, khu Đại học Quốc Gia – quận Thủ Đức và Tân Phú, Hiệp Phú, Tăng Nhơn Phú A – Quận 9 với tổng số lượng nước cung cấp là 493.312 m³

Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty.



1.1.2. Doanh thu và tỷ lệ thực thu:

Năm 2013, doanh thu tiền nước đạt 421.254.525.124 đồng bằng 103,13% so với kế hoạch năm, tăng 64,65 tỷ so với năm 2012. Doanh thu tiền nước tăng do sản lượng nước tăng và giá bán bình quân tăng 7,9 % so với năm 2012 cùng với việc điều chỉnh giá bán theo lộ trình tăng giá nước đã được UBND thành phố phê duyệt.

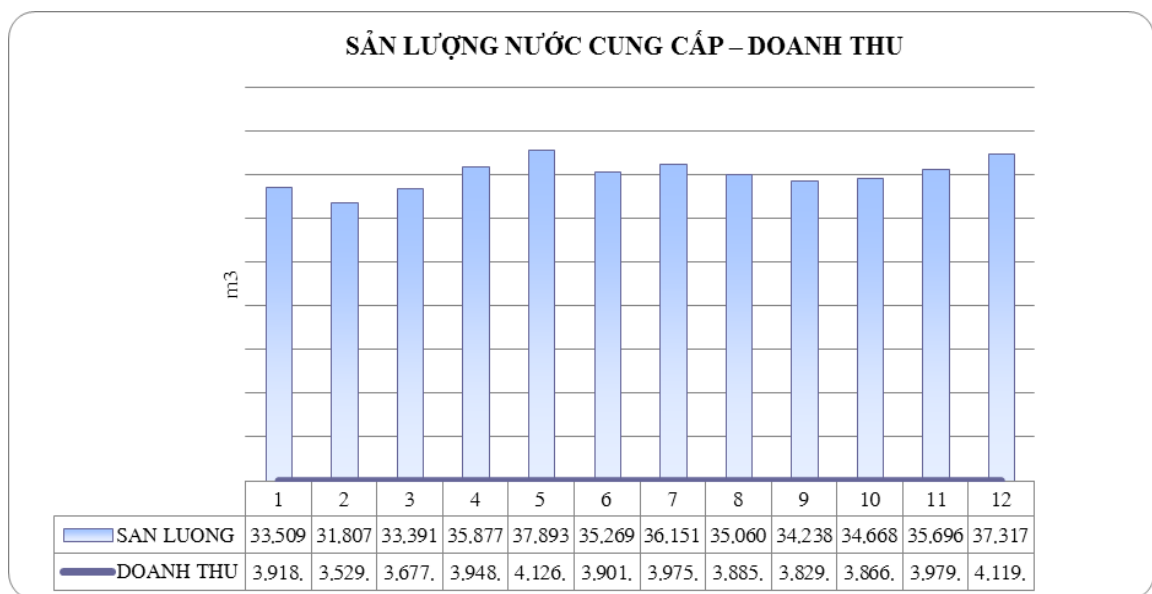
Công ty đã tiến hành rà soát các địa chỉ có tiêu thụ bằng 0 nhiều kỳ, nhà đóng cửa thường xuyên vì xác định đây là nhóm khách hàng có tiêu thụ thấp, hiệu quả đầu tư không cao. Trong năm Công ty đã cắt tạm 432 đồng hồ, cắt huỷ 1.012 đồng hồ.

Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng và điều chỉnh giá biểu, định mức, đúng với thực tế đã làm tăng giá bán bình quân của đơn vị; Từ 8.351 đ/m³ năm 2012 tăng lên 9.010 đ/m³ trong năm 2013.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền. Năm 2013 đã có 83.074 lượt khách hàng thanh toán qua ngân hàng, 34.106 lượt khách hàng thanh toán qua tổ chức thu hộ payoo.

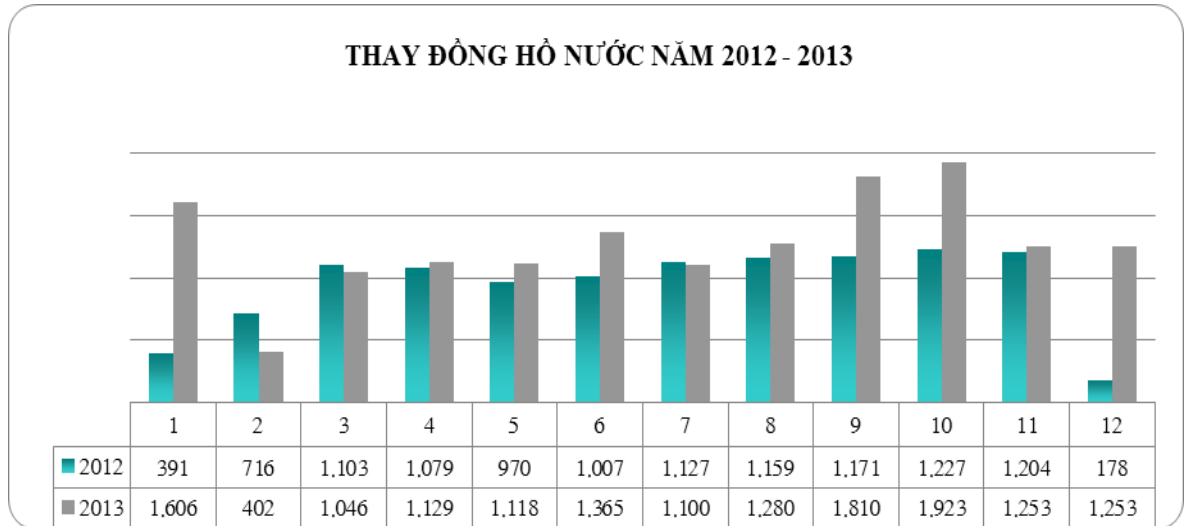
Với sự nỗ lực rất lớn của tập thể đội Thu tiền cùng với việc nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các phòng, ban, đội như: đội Quản lý đồng hồ nước, ban Kiểm tra, phòng Kinh doanh, đội TCTB đã giúp cho công tác thực thu năm 2013 đạt 99,46%.

Trong năm 2013 Công ty cũng đã thực hiện sắp xếp lại phiên lộ trình nhằm tăng năng suất trong công tác đọc số và thu tiền cho khu vực quận 2; dự kiến sắp xếp lại phiên lộ trình khu vực quận 9 trong năm 2014.



1.1.3. Thay đồng hồ nước:

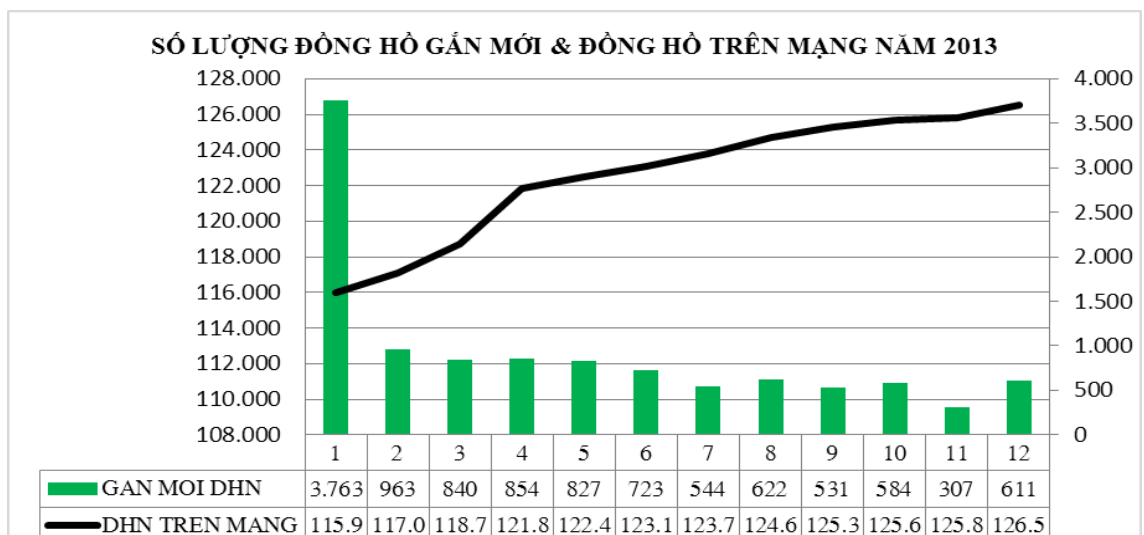
Kết quả thực hiện chỉ tiêu thay đồng hồ nước cỡ nhỏ đạt 15.585 cái, bằng 141,68 % kế hoạch năm, thay đồng hồ nước cỡ lớn là 50 cái, đạt 166,67 % kế hoạch năm. Công tác thay đồng hồ nước của Đội thi công tu bổ, kết hợp với công tác kiểm tra sản lượng nước tiêu thụ thực tế của các đồng hồ cỡ lớn của Ban kiểm tra để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần không nhỏ trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu chung của cả Công ty.



1.1.4. Gắn mới đồng hồ nước:

Năm 2013 gắn được 11.169 đồng hồ nước, bằng 101,54 % so với kế hoạch năm, tăng 1.939 so với năm 2012.

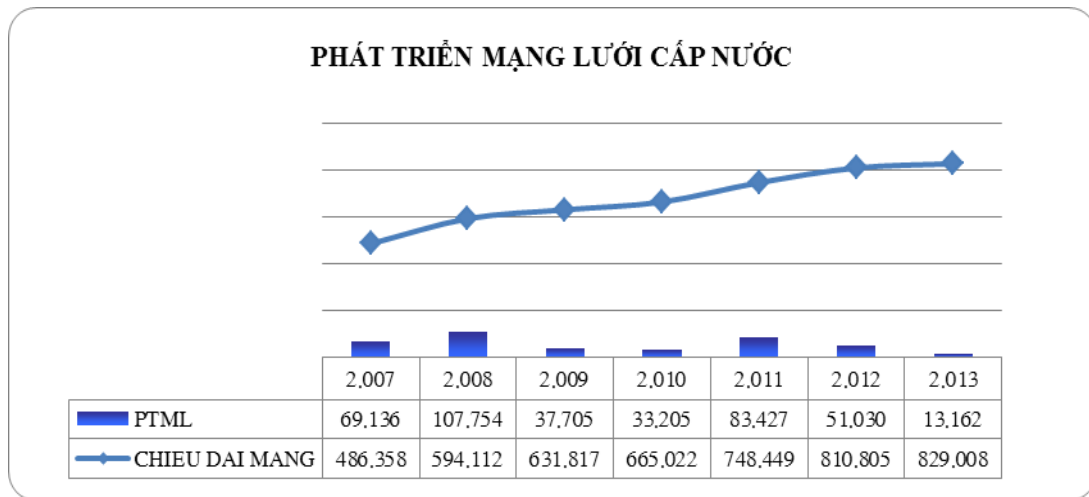
Công tác gắn mới đồng hồ nước năm 2013 thuận lợi do từ cuối năm 2012 Công ty đã đầu tư phát triển mạng lưới và gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng khu vực phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Phường Hiệp Bình Phước là khu vực rộng với mật độ dân cư khá cao nhưng nguồn nước ngầm không sử dụng được nên nhu cầu sử dụng nước sạch là rất lớn.



1.1.5. Phát triển mạng lưới cấp nước:

Công ty làm chủ đầu tư. Nhưng do Tổng Công ty còn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện các dự án (Trong năm 2013 các dự án do Tcty làm chủ đầu tư chỉ thực hiện đến giai đoạn phê duyệt chủ trương, các dự án trên sẽ tiến hành khởi công trong năm 2014).

Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2013 được 9.285m đạt 185,70% so với kế hoạch năm. Cụ thể: Công ty chỉ có thể cân đối nguồn vốn để thực hiện 01 dự án “Phủ kín mạng lưới đợt 5”. Ngoài ra công ty đã thoả thuận khách hàng đầu tư phát triển mạng lưới được 5.041 mét.



1.1.6. Cải tạo mạng lưới cấp nước:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2013 Công ty đã hoàn thành và đưa vào vào sử dụng 4 dự án đạt 100% kế hoạch năm. Khối lượng đường ống đạt 14.035m bằng 112,41% kế hoạch năm. Với tổng kinh phí đầu tư hơn 35,87 tỷ đồng

1.1.7. Công tác quản lý mạng lưới:

Công ty đã sửa chữa kịp thời 5.430 điểm bể (với 4.858 điểm bể nổi và 572 điểm bể ngầm). Giảm 318 điểm bể so với năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2013 trên địa bàn hai quận 9 và Thủ Đức triển khai thi công nhiều công trình hạ tầng giao thông, gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống cấp nước của Công ty.

Sửa chữa, coi 300 van, di dời, đổi cỡ 619 đồng hồ nước giúp cho công tác biên đọc, điều tiết áp lực, sửa bể và quản lý của đơn vị được thuận lợi hơn.

1.1.8. Công tác tiết kiệm, chống lãng phí :

Thực hiện chủ trương tiết kiệm chống lãng phí, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đạt được một số thành quả như sau:

- Nhằm nâng cao hiệu suất, loại bỏ các sai số nhập liệu trong công tác đọc số, Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng thiết bị đọc số cầm tay từ tháng 10 năm 2013, với tổng mức đầu tư khoảng 3 tỷ đồng.
- Công tác mua sắm vật tư: Thực hiện đúng theo quy trình, quy định. Đơn vị được chọn cung cấp hàng hóa là nhà cung cấp có giá chào giá thấp nhất so với các đơn vị còn lại và hàng hóa phải đạt yêu cầu về chất lượng (ít nhất có ba nhà cung cấp).
- Để tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, ngoài việc giáo dục ý thức tiết kiệm cho từng CBCNV, Công ty tiến hành định mức cụ thể cho từng phòng, ban, đội đồng thời tiến hành truy thu tất cả các cuộc gọi sử dụng vào việc riêng, đối với công tác tiết kiệm điện, mỗi phòng, ban đội tiết kiệm 2 giờ không sử dụng máy lạnh (01 giờ buổi sáng và 01 giờ trước khi ra về). Cụ thể Công ty đã tiết kiệm được là 86.630.450 đồng cước sử dụng điện thoại, tiền nước, văn phòng phẩm và chi phí mua sắm phương tiện bảo vệ cá nhân, in ấn.
- Cũng nằm trong chương trình tiết kiệm; Công tác thay đồng hồ định kỳ với việc sử dụng 13.587 đồng hồ nước tân trang đã tiết kiệm cho Công ty hơn 5,96 tỷ đồng.

1.1.9 Công tác kiểm tra :

Năm 2013, Ban Kiểm tra đã đạt được những thành tích nổi bật sau:

- Giải quyết 6.630/6.643 hồ sơ các loại , đạt 99,80%.
- Xử lý 297 trường hợp khách hàng sử dụng nước gian lận, chênh lệch định mức, giá biểu, truy thu số tiền 955.590.514 đồng.
- Hỗ trợ tích cực các ban, đội trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể:
- Hỗ trợ đội Thu tiền thu tiền các cơ quan nợ số tiền nước lớn, thu chi phí đóng mở nước, thu tiền nước hơn 300 trường hợp khách hàng trả đồng hồ nước, với tổng số tiền hơn 120 triệu đồng. Kiểm tra, giải quyết hơn 3.379 trường hợp hoá đơn có tiêu thụ = 0.
- Phối hợp kịp thời với Ban Quản lý dự án, đội Thi công tu bổ để giải quyết những khó khăn, cản trở từ phía khách hàng trong công tác cải tạo mạng lưới.

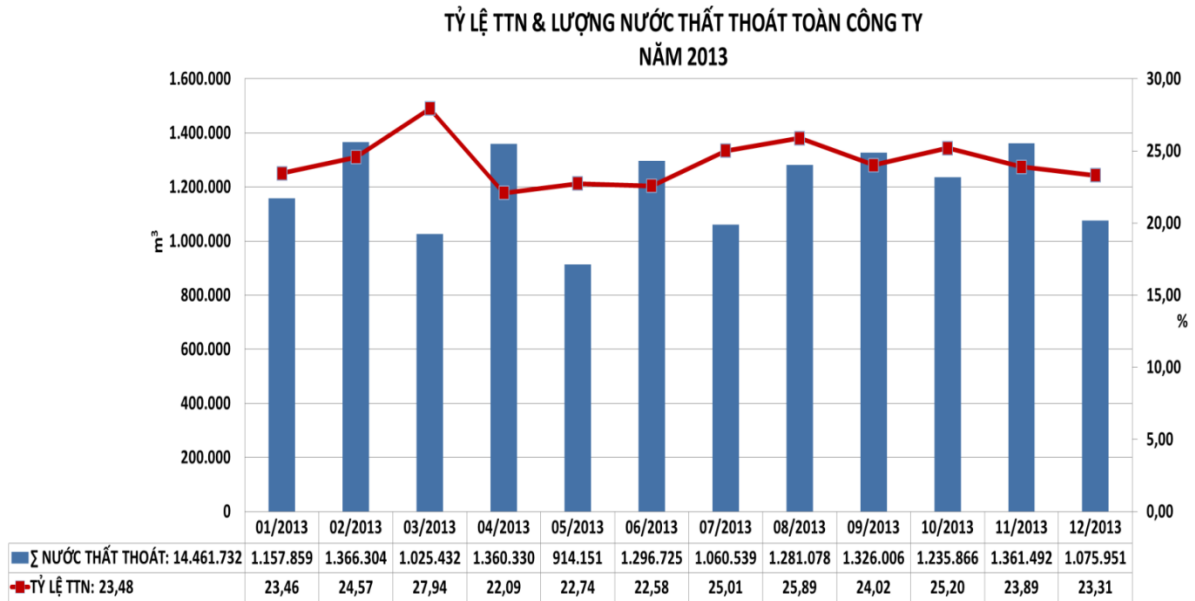
1.1.10. Công tác Giảm nước thất thoát thất thu

Tỷ lệ thất thoát nước theo sản lượng mua bán sỉ của Công ty trung bình năm 2013 là 24,03% giảm 1,17% so với năm 2012 là 26,2% (tỷ lệ này chưa tính đến lượng súc xả trên mạng lưới cấp 3, lượng súc xả phục vụ cho công tác quản lý của công ty...).

Tỷ lệ thất thoát nước thực tế của Công ty trung bình năm 2013 là 23,48% giảm 2,11% so với năm 2012 là 25,59%.

Công tác giảm nước thất thoát thất thu (GNTTTT) năm 2013 theo “phương pháp tổng hợp kết hợp giải pháp phân vùng, tách mạng và mô hình nhân viên quản lý địa bàn (Caretaker)”; đồng thời bám sát theo “13 giải pháp giảm nước thất thoát thất thu của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn”.

Năm 2013 công tác GNTTTT đã đạt được nhiều kết quả khả quan.



Trên cơ sở áp dụng linh hoạt mô hình Caretaker tại các vùng GNTTTT phù hợp với tính chất đặc thù của công ty, đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, sửa bể, quản lý khách hàng ... tại 13 khu vực DMA triển khai GNTTTT và tiếp tục nhân rộng ra 08 khu vực DMA mới (bước đầu thực hiện công tác cập nhật, thống kê danh sách đồng hồ nước).

- ♦ Mười khu vực DMA có tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2013 từ 10%-20%:

Thảo Điền, Cư xá An Bình, Riverside, xa lộ Đại Hàn, Đại học Quốc Gia, Bình Thẳng, Bình An, Đường 04-Nguyễn Văn Lịch Cư xá Điện Lực, RMK.

Đặc biệt 03 khu vực DMA Thảo Điền, Cư xá An Bình và Riverside đã kéo giảm mạnh tỷ lệ thất thoát nước:

- Thảo Điền từ 19,86% năm 2012 xuống còn 13,69%.
- Cư xá An Bình từ 25,54% năm 2012 xuống còn 12,21%
- Riverside từ 11,93% năm 2012 xuống còn 1,30%.

Hoàn tất thi công đoạn ống Ø200 đấu nối DMA RMK và DMA Cư xá Điện Lực vào 07/2013, cùng với việc hoàn tất các công trình cải tạo ống mục tại 02 khu vực DMA trên đã hoàn tất bước đầu mang lại hiệu quả nhất định. Tỷ lệ thất thoát nước chung của 2 khu vực DMA này giảm chỉ còn 8.93% trong kỳ 12/2013.

- ♦ 03 khu vực DMA có tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2013 từ 20 ÷ 30% gồm: Tân Vạn, Xi măng vôi, Trần Nãi.

1.2. Những tiến bộ đã đạt được:

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Công ty đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNLĐ. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản tăng 9,14 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 19,32 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 10,18 tỷ đồng một phần do giá trị hao mòn trong kỳ, mặc khác các tài sản có giá trị dưới 20 triệu đồng được chuyển thành công cụ theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013

Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA)

$ROA = \text{Thu nhập trước thuế và lãi vay} / \text{tổng tài sản trung bình}$

Thu nhập trước thuế và lãi vay: $27.125.322.874 + 4.096.585.540 = 31.332.908.414$

Tổng tài sản trung bình: $(333.058.142.993 + 323.921.819.446)/2 = 328.489.891.220$

ROA (năm nay) = 9,5%.

Vòng quay tổng tài sản = $\text{Doanh thu thuần} / \text{tổng tài sản trung bình}$

Năm nay = $428.945.104.331/328.489.891.220 = 1,31$ lần

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tăng 2,72 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn tăng 8,72 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 6 tỷ đồng do Công ty hạch toán nợ phải trả từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến trả 13,04 tỷ đồng, một số khoản nợ phải trả phát sinh cũng như một số đã được thanh toán trong kỳ.

Tỷ số nợ phải trả trên tổng vốn = $\text{Tổng nợ} / \text{Tổng nguồn vốn}$.

Tỷ số nợ phải trả năm nay = $201.312.668.274 / 333.058.142.993 = 60,44\%$

Tỷ số nợ trên vốn cổ phần = Tổng nợ / Tổng vốn cổ phần
 = $201.312.668.274 / 85.000.000.000 = 2,37$ lần.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân, do đó mục tiêu chính của Công ty là nâng cao tỷ lệ người dân được cấp nước sạch. Để thực hiện được mục tiêu này, trong năm 2014 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung liên quan làm tiền đề cho sự phát triển khách hàng tại địa bàn do công ty quản lý.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2013, Công ty định hướng kế hoạch thực hiện năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Ghi chú
I. KẾ HOẠCH SXKD				
A. KINH DOANH :				
1. Nước cung cấp	1000m ³	46.760	50.190	
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	421.254	451.533	
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,46	99,00	
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	11.169	12.000	
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	15.585	15.000	
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	50	30	
7. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	86,81	95,04	
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	23,48%	Giảm 1,5%	(so với 2013)
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước:				
- Số lượng dự án	dự án	1	13	
- Khối lượng đường ống	mét	213	59.970	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	1.650	105.700	
<i>Trong đó:</i>				
♦ TCTy Cấp nước Sài Gòn đầu tư				
- Số lượng dự án	dự án		07	
- Khối lượng đường ống	mét		40.740	
- Kinh phí đầu tư	Tr.đồng		65.600	

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Ghi chú
♦ Công ty đầu tư				
- Số lượng dự án	dự án		06	
- Khối lượng đường ống	mét		19.230	Và 19 ĐHT
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng		40.100	
2. Sửa chữa ống mục:				
- Số lượng dự án	dự án	4	6	
- Khối lượng đường ống	mét	14.035	13.840	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	35.861	30.100	
3. XD và sửa chữa công trình nội bộ	tr.đồng		6.500	
II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
1. Tổng doanh thu	tr.đồng	437.936	465.733	
2. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	27.125	28.000	
1. Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	21.456	22.362	
3. Tỷ lệ cổ tức	%	12	12	
II. KẾ HOẠCH QUỸ LƯƠNG				
1. Quỹ lương viên chức quản lý <i>(Đã bao gồm tiền lương của thành viên HDQT chuyên trách)</i>	tr.đồng	1.893	1.931	
2. Quỹ lương CBCNV Trong đó đơn giá tiền lương kế hoạch tính trên 1.000 đồng doanh thu:	tr.đồng	43.921 104,36	45.675 101,15	Quỹ lương thực hiện năm 2014 được xác định trên Doanh thu thực hiện và Đơn giá tiền lương
3. Tổng số lao động <i>(định biên)</i>	người	342	347	

PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Năm 2013, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã triển khai nhiều giải pháp có hiệu quả nhằm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch, cụ thể như sau:

1.1 Sản lượng nước tiêu thụ

Sản lượng nước cung cấp năm 2013 đạt 46.759.521 m³, bằng 103,22 % so với kế hoạch năm, tăng 3,88 triệu m³ so với năm 2012.

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã có nhiều giải pháp để phát triển khách hàng, trong đó giảm thủ tục hành chính trong công tác gắn mới đồng hồ nước, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch bằng biện pháp thực hiện gắn đồng hồ nước miễn phí và gắn nhanh trong ngày.

1.2 Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện 437,936 tỷ đồng, tăng 4,03% so với kế hoạch năm và tăng 17,07% so với năm 2012, trong đó:

- Hoạt động kinh doanh nước sạch: Doanh thu thực hiện 421.254 tỷ đồng, tăng 3,13% so với kế hoạch, và tăng 17,95% so với năm 2012.
- Hoạt động gắn đồng hồ nước: Doanh thu thực hiện 7,691 tỷ đồng, tăng 28,18% so với kế hoạch và tăng 19,73% so với năm 2012.
- Hoạt động tài chính: Doanh thu thực hiện 6,401% tỷ đồng, tăng 60,02% kế hoạch và bằng 79,55% so với năm 2012.
- Hoạt động khác: Doanh thu thực hiện 2,591 tỷ đồng tăng 3,63% so với kế hoạch và tăng 5,59% so với năm 2012.

1.3 Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thực hiện 21,456 tỷ đồng tăng 0,01% so với kế hoạch và tăng 5,52% so với năm 2012.

1.4 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2013 Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn nên công tác xây dựng cơ bản trong những tháng đầu năm còn chậm. Tuy nhiên, sau khi cân đối nguồn vốn Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, góp phần phát triển khách hàng, tăng sản lượng doanh thu cho đơn vị.

Kết quả thực hiện trong năm 2013:

- Phát triển mạng lưới cấp nước: 9.285m đạt 185,70% kế hoạch năm
- Sửa chữa ống mục: 14.035m đạt 112,41% kế hoạch năm.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Mặc dù trong năm 2013, Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, nhưng Ban Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nhất là trong những tháng cuối năm Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

PHẦN V**QUẢN TRỊ CÔNG TY****I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1.1 Thành viên và cơ cấu

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Huỳnh Tuấn Anh	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Chuyên trách
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	3.400	1087.150	12,79	Điều hành
3	Nguyễn Việt Cường	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
4	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
5	Trịnh Tuấn Minh	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
6	Nguyễn Hoài Nam	TV.HĐQT kiêm PGĐ	1.083.750		1.083.750	12,75	Điều hành

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Tuy nhiên, ngày 12/8/2013, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết 017/NQ-HĐQT cử thành viên HĐQT phụ trách vấn đề chính sách lương thưởng – nhân sự, chính sách phát triển như sau:

- Ông Huỳnh Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT: Phụ trách Chính sách phát triển.
- Ông Trịnh Tuấn Minh – TV.HĐQT: Phụ trách Lương thưởng; Nhân sự.

1.3. Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định 004/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2013 miễn nhiệm vị trí thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Việt Cường theo nguyện vọng của cá nhân từ ngày 15/01/2013. Việc miễn nhiệm này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết 010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2013.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp và ban hành 10 Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	003/NQ-HĐQT	15/01/2013	- Kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính quý 4/2012. - Giảm thời gian trích khấu hao tài sản đường ống.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			- Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
2	004/NQ-HĐQT	15/01/2013	- Miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Việt Cường.
3	007/NQ-HĐQT	18/3/2013	- Báo cáo tài chính 2012 (đã kiểm toán). - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông. - Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính 2013. - Quỹ lương 2013. - Kế hoạch phân bổ Quỹ khen thưởng Ban điều hành. - Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
4	011/QĐ-HĐQT	16/4/2013	- Chi trả cổ tức năm 2012
5	012/QĐ-HĐQT	16/4/2013	- Ban hành điều lệ năm 2013
6	014/NQ-HĐQT	21/5/2013	- Báo cáo tài chính Quý 1/2013 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.
7	017/NQ-HĐQT	12/8/2013	- Báo cáo tài chính bán niên soát xét; - Kết quả SXKD 6 tháng - Cử thành viên HĐQT phụ trách lương, thưởng; Nhân sự; Chính sách phát triển.; - Góp ý quy chế quản trị
8	020/NQ-HĐQT	19/10/2013	- Thông qua việc Công ty cơ điện lạnh (REE) chào mua công khai cổ phần TDW.
9	022/NQ-HĐQT	06/11/2013	- Báo cáo tài chính 9 tháng. - Kế hoạch sxkd 2014; - Góp ý quy chế quản trị
10	023/QĐ-HĐQT	27/11/2013	- Ban hành Quy chế quản trị

1.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

1.6 Danh sách các thành viên có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty.

- Huỳnh Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT.
- Nguyễn Hoài Nam – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc.
- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc.
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Kế toán trưởng.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Quách Trọng Lượng	Thành viên	-	-	-	-
3	Hoàng Thanh Bình	Thành viên	-	-	-	-

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm của công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty;

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; ...

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp và đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS	14/3/2013	- Báo cáo tài chính kiểm toán 2012. - Công tác tổ chức ĐHCĐ 2013
2	02/BB-BKS	20/5/2013	- Đóng góp ý kiến cho dự thảo quy chế quản trị. - Thẩm tra báo cáo tài chính quý 1/2013 - Đề xuất đơn vị kiểm toán BCTC 2013
3	03/BB-BKS	09/8/2013	- Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm. - BCTC bán niên 2013 đã được soát xét.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

3.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2012(BĐH)	Ghi chú
1	Huỳnh Tuấn Anh	CT.HĐQT	471.223.316	42.000.000	66.583.907	Thu nhập trên chưa trừ thuế thu nhập cá nhân
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	424.533.426	36.000.000	66.583.907	Thu nhập trên chưa trừ thuế thu nhập cá nhân
3	Nguyễn Việt Cường	TV.HĐQT	-	3.000.000	41.614.942	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
4	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	-	36.000.000	55.486.589	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2012(BĐH)	Ghi chú
5	Trịnh Tuấn Minh	TV.HĐQT		- 36.000.000	55.486.589	<i>Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao</i>
6	Nguyễn Hoài Nam	TV.HĐQT kiêm PGĐ	348.110.945	36.000.000	55.486.589	<i>Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN</i>

3.2 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban Kiểm soát

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2012(BĐH)	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban		- 30.000.000	16.650.016	<i>Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao</i>
2	Quách Trọng Lượng	TV.BKS		- 18.000.000	8.325.008	<i>Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao</i>
3	Hoàng Thanh Bình	TV.BKS	188.089.533	18.000.000	8.325.008	<i>Là CBCNV Cty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN</i>

3.3 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban giám đốc và cán bộ quản lý

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2012(BĐH)	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Cầu	Giám đốc		-	-	<i>Xem mục 3.1</i>
2	Nguyễn Hoài Nam	PGĐ		-	-	<i>Xem mục 3.1</i>
3	Lâm Tứ Duy	PGĐ	312.769.700		46.238.824	<i>Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN.</i>
4	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	336.383.942		16.650.016	<i>Là CBCNV Cty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN</i>

3.4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Người thực hiện giao dịch: Nguyễn Xuân Cầu
- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 3.400 cổ phiếu (0,04%).
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 3.400 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 0 cổ phiếu.
- Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: Theo đợt chào mua công khai từ ngày 08/11/2013 đến ngày 10/12/2013. Đến ngày 03/01/2014 nhận được thông báo của thành viên lưu ký về kết quả giao dịch.

3.5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông nắm giữ 51% cổ phần).

Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
373/HĐ-TCT-KDDVKH	31/01/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 01/2013	21.230.817.738
1035/HĐ-TCT-KDDVKH	05/04/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 02,03/2013	42.524.865.684
1449/HĐ-TCT-KDDVKH	05/04/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 04, 05/2013	46.249.521.758
2212/HĐ-TCT-KDDVKH	11/07/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 06, 07/2013	46.083.865.788
3410/HĐ-TCT-KDDVKH	07/10/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 08, 09/2013	46.132.308.132
3517/HĐ-TCT-KDDVKH	14/10/2013	Phụ lục điều chỉnh giá nước từ kỳ 2 – kỳ 9/2013 (giảm)	- 5.122.110.712
3560/HĐ-TCT-KDDVKH	14/10/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 10,11/2013	44.999.905.339
4340/HĐ-TCT-KDDVKH	05/12/2013	Mua bán si nước sạch kỳ 12/2013	21.040.771.718
Tổng cộng			263.139.945.445

3.6 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

PHẦN VI | **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013**
ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dụ	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15/1/2013
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Cầu	Giám đốc
Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc Kinh doanh
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Giám đốc Kỹ thuật

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2013 và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Cầu
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Số. 07 /2014/UHYHCM-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1496-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

A blue ink signature is written on a horizontal line.

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
2334-2013-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
 Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.611.501.026	106.291.861.911
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.597.337.499	12.069.272.197
Tiền	111		4.447.629.273	12.069.272.197
Các khoản tương đương tiền	112		28.149.708.226	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	68.700.000.000	61.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		68.700.000.000	61.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.711.217.013	17.869.487.709
Phải thu khách hàng	131		5.066.913.885	4.926.787.011
Trả trước cho người bán	132		903.100.531	7.339.985.602
Các khoản phải thu khác	135	6	8.555.787.456	6.966.726.699
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.814.584.859)	(1.364.011.603)
Hàng tồn kho	140	7	7.665.506.639	13.067.364.474
Hàng tồn kho	141		7.704.427.764	13.106.285.599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.921.125)	(38.921.125)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.937.439.875	2.285.737.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	2.210.400.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.184.848.234	2.076.437.531
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		218.350.641	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	323.841.000	209.300.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.446.641.967	217.629.957.535
Tài sản cố định	220		207.440.641.967	217.564.148.444
Tài sản cố định hữu hình	221	11	192.535.820.840	172.759.461.911
- Nguyên giá	222		403.876.639.712	348.492.365.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(211.340.818.872)	(175.732.903.527)
Tài sản cố định vô hình	227	12	253.230.103	54.402.148
- Nguyên giá	228		413.390.510	158.390.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.160.407)	(103.988.362)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	14.651.591.024	44.750.284.385
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.000.000	65.809.091
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	9.809.091
Tài sản dài hạn khác	268		6.000.000	56.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		333.058.142.993	323.921.819.446

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		201.312.668.274	198.588.909.973
Nợ ngắn hạn	310		97.866.860.551	89.142.036.455
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	13.042.573.000	-
Phải trả người bán	312		18.820.214.659	27.143.327.504
Người mua trả tiền trước	313		2.846.325.945	2.425.310.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.631.797.129	1.878.323.413
Phải trả người lao động	315		13.872.645.651	9.592.375.324
Chi phí phải trả	316	15	70.367.941	309.145.302
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	46.326.025.026	46.299.356.445
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.256.911.200	1.494.198.316
Nợ dài hạn	330		103.445.807.723	109.446.873.518
Phải trả dài hạn người bán	331		4.536.055.257	7.451.867.726
Phải trả dài hạn khác	333	17	55.391.795.753	55.391.795.753
Vay và nợ dài hạn	334	18	43.517.956.713	46.603.210.039
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.745.474.719	125.332.909.473
Vốn chủ sở hữu	410	19	131.745.474.719	125.332.909.473
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		18.742.461.513	14.792.631.775
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.687.521.051	6.166.210.238
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.315.492.155	19.374.067.460
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		333.058.142.993	323.921.819.446

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tài sản thuê ngoài		33.3	18.698.035.830	18.698.035.830

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Lành




Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Nguyễn Xuân Cầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	429.117.317.071	363.642.534.410
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	21	172.212.740	61.566.790
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	428.945.104.331	363.580.967.620
Giá vốn hàng bán	11	22	254.615.619.988	243.111.937.754
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		174.329.484.343	120.469.029.866
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.400.809.638	8.046.534.917
Chi phí tài chính	22	24	4.096.585.540	3.312.307.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.096.585.540</i>	<i>3.312.307.696</i>
Chi phí bán hàng	24	25	122.494.524.159	81.378.306.596
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	29.137.161.120	20.018.934.244
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.002.023.162	23.806.016.247
Thu nhập khác	31	27	2.590.680.417	2.453.470.942
Chi phí khác	32	28	467.380.705	394.313.906
Lợi nhuận khác	40		2.123.299.712	2.059.157.036
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.125.322.874	25.865.173.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	5.669.240.766	5.532.553.872
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.456.082.108	20.332.619.411
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.524	2.392

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Lành



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		27.125.322.874	25.865.173.283
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		36.932.495.895	25.905.571.561
Các khoản dự phòng	3		450.573.256	742.228.333
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(6.400.809.638)	(8.041.540.018)
Chi phí lãi vay	6		4.096.585.540	3.312.307.696
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		62.204.167.927	47.783.740.855
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	9		5.406.395.096	(5.187.005.928)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		5.401.857.835	(824.154.883)
Tăng các khoản phải trả	11		20.984.350.173	31.588.025.447
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(2.200.590.909)	82.190.909
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.131.087.870)	(3.391.966.489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.640.321.134)	(6.610.091.273)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.464.370.104	23.755.614.234
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.481.654.856)	(4.759.658.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		77.007.486.366	82.436.694.643
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(51.305.293.482)	(71.585.731.145)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.913.906.174)	(153.370.028.622)
Tiền thu cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.604.221.100	155.240.260.314
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.330.801.098	5.178.548.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.284.177.458)	(64.536.950.536)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.921.674.674	2.547.430.996
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.964.355.000)	(10.350.531.850)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.152.563.280)	(10.197.097.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(195.243.606)	(18.000.198.154)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.528.065.302	(100.454.047)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.069.272.197	12.169.726.244
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	32.597.337.499	12.069.272.197

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Lành



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 ngày 18/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: số 08 Không Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 85.000.000.000 đồng.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (theo địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp nước (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012, ngoại trừ thay đổi chính sách về trích khấu hao tài sản cố định trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (hoặc kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và tạm trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Phương tiện truyền dẫn	10 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	05

Từ năm 2013 Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, báo cáo tài chính năm 2013 Công ty đã thực hiện điều chỉnh những tài sản cố định hữu hình và vô hình có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng thành công cụ dụng cụ. Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã điều chỉnh giảm là 1.955.302.440 đồng, không có tài sản cố định vô hình nào có nguyên giá cần điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Phần mềm kế toán và thiết bị đọc mã vạch

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa vào sử dụng. Các tài sản này được khấu hao trong 3 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí sửa chữa ống mưng, chi phí thuê nhân công...

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (hoặc kỳ kế toán).

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 THUẾ

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ (TIẾP)

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ, công văn 10235/CT-TTHT ngày 10/10/2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, do Công ty thành lập và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất thuế TNDN được áp dụng là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm thứ 7 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Các ngành nghề hoạt động có liên quan đến hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp tạo thu nhập là hoạt động kinh doanh nước sạch, hoạt động gắn đồng hồ nước sẽ được áp dụng chính sách ưu đãi thuế. Thu nhập liên quan đến các hoạt động khác không được hưởng chính sách ưu đãi thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Năm 2013, Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn, Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (REE), các Công ty trực thuộc Tổng Công ty và Công ty này, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty và các Công ty này đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2013 được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 33.1

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	66.550.879	1.308.326
Tiền gửi ngân hàng	4.381.078.394	12.067.963.871
Các khoản tương đương tiền (*)	28.149.708.226	-
Cộng	32.597.337.499	12.069.272.197

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (*)

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Công Thương	15.000.000.000	19.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Thủ Đức	13.500.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Chợ Lớn	21.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Đông Á	19.200.000.000	-
Ngân hàng NN&PT NT CN Miền Đông	-	1.000.000.000
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	4.000.000.000
Cộng	68.700.000.000	61.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	399.247.150	399.247.150
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn (*)	2.396.310.526	2.435.673.126
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.149.407.588	1.275.083.333
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	140.000.000	140.000.000
Chi phí thực hiện dự án di dời hệ thống cấp nước vành đai Tân Sơn Nhất	2.435.191.692	2.435.191.692
Bảo hiểm xã hội	3.453.535	-
Phải thu khác	32.176.965	281.531.398
Cộng	8.555.787.456	6.966.726.699

(*) Các khoản chi hộ Tổng Công ty phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa, bao gồm: chi phí gắn trụ cứu hỏa, chi phí gắn đồng hồ nước cho hộ nghèo, chi phí quản lý bồn nước...

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.649.440.169	12.994.229.860
Công cụ, dụng cụ	2.090.909	51.283.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.896.686	60.772.103
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	7.704.427.764	13.106.285.599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(38.921.125)	(38.921.125)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	7.665.506.639	13.067.364.474

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Là giá trị còn lại của chi phí Bảo hiểm nhân thọ được phân bổ cho giai đoạn từ 27/12/2013 đến 27/12/2014.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	138.841.000	164.300.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	185.000.000	45.000.000
Cộng	323.841.000	209.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	14.651.591.024	44.750.284.385
Trong đó:		
- Chi phí xây dựng công trình	14.650.436.024	44.749.129.385
+ Di dời các tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi Đoạn 1	3.196.731.531	3.196.731.531
+ Di dời đường ống cấp nước phía trái tuyến trên Xa Lộ Hà Nội	2.277.492.739	-
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước các hẻm P.Hiệp Bình Phước - Thủ Đức Đợt 2	1.585.342.387	-
+ Di dời tuyến ống cấp nước phía trái Xa lộ Hà Nội (QH-GVM)	1.043.368.058	-
+ Lắp đặt ĐHT đợt 1	844.269.446	280.074.975
+ Lắp đặt mạng lưới cấp nước khu dân cư Sông Đà	601.498.272	-
+ Các thiết bị theo dõi áp lực+đht chưa có	209.520.000	-
+ Phát triển mạng lưới cấp nước Lê Phái Quốc lộ 13 P. Hiệp Bình Phước-Q.Thủ Đức	-	4.865.808.208
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 4	-	3.974.865.923
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 3	-	2.890.165.134
+ Phát triển mạng lưới cấp nước Khu phố 4 - P.Hiệp Bình Phước-Q.TĐ	-	2.662.397.810
+ Phát triển mạng lưới cấp nước Khu phố 6 - P.Hiệp Bình Phước-Q.TĐ	-	6.554.508.814
+ Phát triển mạng lưới cấp nước Quốc lộ 13 - P. Hiệp Bình Phước - Q.Thủ Đức	-	6.150.443.063
+ Di dời tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất-Bình Lợi Đoạn 2	1.582.224.678	165.515.094
+ Phát triển mạng lưới Phường Long Bình - Tân Phú Q9	698.713.183	698.713.183
+ Phát triển mạng lưới cấp nước các hẻm lẻ phải TL 43 - P. Bình Chiểu	594.310.851	807.479.506
+ Phát triển mạng lưới cấp nước P. Trường Thọ - Đợt 4/2005	286.511.703	-
+ Phát triển mạng lưới cấp nước phường Phước Long A - Quận 9	-	1.145.903.444
+ Phát triển mạng lưới cấp nước P. Linh Chiểu - Đợt 1/2005	4.763.256	1.472.193.910
+ Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 5	400.100.163	829.770.680
+ Di dời tuyến ống cấp nước phục vụ dự án đường nối Tân Sơn Nhất-Bình Lợi Đoạn 3	167.816.626	167.816.626
+ Đầu nối các công trình phát triển mạng lưới cấp nước mạng BOO	120.785.389	215.231.119
+ Các công trình khác	1.036.987.742	8.671.510.365
- Xây dựng cơ bản - thiết bị	1.155.000	1.155.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị		TSCĐ		Tổng cộng	
	vật kiến trúc		thiết bị		vận tải, truyền dẫn		đụng cụ, quản lý		khác		VND	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình												
Tại ngày 01/01/2013	2.440.124.291	3.846.188.385	341.029.371.448	1.163.301.314	13.380.000	348.492.365.438						
- Mua trong năm	-	1.206.800.000	-	2.590.721.500	-	3.797.521.500						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	53.542.055.214	-	-	53.542.055.214						
- Giảm khác (*)	-	(466.683.279)	(413.541.438)	(1.061.697.723)	(13.380.000)	(1.955.302.440)						
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.440.124.291</u>	<u>4.586.305.106</u>	<u>394.157.885.224</u>	<u>2.692.325.091</u>	<u>-</u>	<u>403.876.639.712</u>						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2013	1.541.601.834	2.913.864.763	170.521.445.352	742.611.578	13.380.000	175.732.903.527						
- Khấu hao trong năm	111.063.288	355.919.693	36.181.889.939	227.450.930	-	36.876.323.850						
- Giảm khác (*)	-	(334.154.598)	(247.356.845)	(673.517.062)	(13.380.000)	(1.268.408.505)						
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.652.665.122</u>	<u>2.935.629.858</u>	<u>206.455.978.446</u>	<u>296.545.446</u>	<u>-</u>	<u>211.340.818.872</u>						
Giá trị còn lại của TSCĐHH												
Tại ngày 01/01/2013	<u>898.522.457</u>	<u>932.323.622</u>	<u>170.507.926.096</u>	<u>420.689.736</u>	<u>-</u>	<u>172.759.461.911</u>						
Tại ngày 31/12/2013	<u>787.459.169</u>	<u>1.650.675.248</u>	<u>187.701.906.778</u>	<u>2.395.779.645</u>	<u>-</u>	<u>192.535.820.840</u>						

(*) Giá trị của các Tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính “về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” có hiệu lực thi hành từ ngày 10/6/2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.225.826.295 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và phần mềm đọc mã vạch, khấu hao trong 3 năm.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Là số vốn gốc vay phải trả Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn trong năm 2014 tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 trình bày trên Tài khoản 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.631.797.129	1.602.877.500
Thuế thu nhập cá nhân	-	275.445.913
Cộng	1.631.797.129	1.878.323.413

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chi phí thuê nhân công	63.711.329	269.064.450
Khác	6.656.612	40.080.852
Cộng	70.367.941	309.145.302

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.265.457	27.265.457
Kinh phí công đoàn	61.543.858	130.236.516
Bảo hiểm xã hội	-	9.105
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.029.364.212	915.775.851
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.060.338.432
Cổ tức phải trả	98.362.646	84.444.646
Phí bảo vệ môi trường	4.372.387.773	3.506.371.418
Chi phí tự thực hiện	3.305.155.346	3.852.165.019
Công Ty CP Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	22.838.430.783	22.838.430.783
Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	12.904.761.716	12.904.761.716
Các khoản phải trả, phải nộp khác	628.414.803	979.557.502
Cộng	46.326.025.026	46.299.356.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (*)

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Phải trả về giá trị tài sản viện trợ	33.003.950	33.003.950
Phải trả dài hạn khác	55.358.791.803	55.358.791.803
Cộng	55.391.795.753	55.391.795.753

(*) Là các khoản phải trả với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Là các khoản vay Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn theo từng hợp đồng vay cụ thể, mức lãi suất từ 5.4%/năm đến 11,4%/ năm. Thời gian vay 10 năm, thời gian ân hạn là 1 năm. Mục đích vay là đầu tư phát triển mạng cấp 3. Các khoản vay này không yêu cầu tài sản thế chấp.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	43.350.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)	36.647.200.000	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	8.500.000.000
Công ty Vof Investment Limited	-	25.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.002.800.000	7.650.000.000
Cộng	85.000.000.000	85.000.000.000

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000

19.3 CỔ TỨC

Công ty chia cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 12% trên mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 10/NQ- ĐHĐCĐ ngày 16/04/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty. Dự kiến chia cổ tức năm 2013 là 12%.

Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

CHO NHÀ TÀI CHỨC NHƯ NGƯỜI MUA NGÀY 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	85.000.000.000	11.463.518.360	4.395.708.624	17.705.016.144	118.564.243.128
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	20.332.619.411	20.332.619.411
- Trích lập các quỹ	-	3.329.113.415	1.770.501.614	(5.099.615.029)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	-	-	-	(3.363.953.066)	(3.363.953.066)
- Chia cổ tức	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	85.000.000.000	14.792.631.775	6.166.210.238	19.374.067.460	125.332.909.473
Tại ngày 01/01/2013	85.000.000.000	14.792.631.775	6.166.210.238	19.374.067.460	125.332.909.473
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	21.456.082.108	21.456.082.108
- Phân phối lợi nhuận 2012: Trích lập Quỹ ĐTPT, Quỹ DPTC (*)	-	2.809.239.782	1.521.310.813	(4.330.550.595)	-
- Thuế TNDN được miễn giảm	-	1.140.589.956	-	(1.140.589.953)	3
- Phân phối lợi nhuận 2012: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(4.843.516.865)	(4.843.516.865)
- Phân phối lợi nhuận 2012: Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	85.000.000.000	18.742.461.513	7.687.521.051	20.315.492.155	131.745.474.719

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 số 10/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.117.317.071	363.642.534.410
<i>Trong đó:</i>		
+ Doanh thu cung cấp nước	421.413.753.748	357.209.794.862
+ Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	7.603.325.356	6.303.606.183
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.237.967	129.133.365

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	172.212.740	61.566.790
<i>Trong đó:</i>		
+ Giảm giá hàng bán	99.642.179	6.164.822
+ Hàng bán bị trả lại	72.570.561	55.401.968
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.945.104.331	363.580.967.620

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng bán	254.615.619.988	243.111.937.754
<i>Trong đó:</i>		
+ Giá vốn cung cấp nước	250.609.490.857	238.574.433.045
+ Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước	4.006.129.131	4.537.504.709
Cộng	254.615.619.988	243.111.937.754

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.400.809.638	8.046.534.917
Cộng	6.400.809.638	8.046.534.917

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	4.096.585.540	3.312.307.696
Cộng	4.096.585.540	3.312.307.696

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	34.296.761.795	29.835.689.221
Chi phí nguyên vật liệu	49.648.674.837	22.025.291.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.537.809.632	25.641.694.939
Chi phí thuê tài sản	1.869.803.581	1.869.803.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.474.314	776.734.071
Chi phí bằng tiền khác	30.000.000	1.229.093.545
Cộng	122.494.524.159	81.378.306.596

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.101.538.159	12.219.299.292
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng quản lý	945.311.720	409.660.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.686.263	263.876.622
Thuế phí, lệ phí	94.376.043	28.307.952
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	450.573.256	703.307.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.045.292.196	2.777.323.772
Chi phí bằng tiền khác	7.728.109.840	3.224.951.416
Chi phí khác	377.273.643	392.207.618
Cộng	29.137.161.120	20.018.934.244

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	-	561.254.197
Bồi thường di dời, phạt vi phạm hợp đồng	1.256.458.287	11.537.521
Nhượng bán vật tư ngành nước	289.192.154	63.752.556
Truy thu tiền nước	955.590.514	1.530.589.744
Thu tiền kiểm định đồng hồ nước	39.353.283	47.803.760
Thu nhập khác	50.086.179	238.533.164
Cộng	2.590.680.417	2.453.470.942

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nhượng bán vật tư ngành nước	284.510.979	66.412.882
Chi phí cho công tác truy thu tiền nước	175.596.131	295.817.495
Chi phí khắc phục sự cố bể đường ống nước	-	16.000.000
Chi phí khác	7.273.595	16.083.529
Cộng	467.380.705	394.313.906

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.125.322.874	25.865.173.283
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập	114.000.000	99.250.000
Tổng thu nhập chịu thuế, trong đó:	27.239.322.874	25.964.423.283
Thu nhập chịu thuế thuế suất 20%	22.811.799.064	19.171.039.026
Thu nhập chịu thuế thuế suất 25%	4.427.523.810	6.793.384.257
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó:	6.809.830.719	6.491.105.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 5% trong năm	1.140.589.953	958.551.951
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	5.669.240.766	5.532.553.872

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	21.456.082.108	20.332.619.411
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	21.456.082.108	20.332.619.411
Số cổ phiếu bình quân (Cổ phiếu)	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.524	2.392

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị số sách	
	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.597.337.499	12.069.272.197
Đầu tư ngắn hạn	68.700.000.000	61.000.000.000
Phải thu khách hàng (*)	3.252.329.026	4.926.787.011
Tài sản tài chính khác	8.555.787.456	6.966.726.699
Cộng	113.105.453.981	84.962.785.907
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	23.356.269.916	34.595.195.230
Các khoản vay	56.560.529.713	46.603.210.039
Chi phí phải trả	70.367.941	309.145.302
Nợ tài chính khác	101.717.820.779	101.691.152.198
Cộng	181.704.988.349	183.198.702.769

(*): Chỉ tiêu này được cộng từ chỉ tiêu Phải thu khách hàng và Dự phòng các khoản phải thu khó đòi trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2013.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này bằng cách thường xuyên theo dõi biến động của tỉ giá hối đoái, biến động của thị trường ... để kịp thời ứng phó cho từng giai đoạn cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn để đầu tư phát triển mạng cấp 3, chịu lãi suất đã được ký kết theo từng hợp đồng. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Tuy vậy, Công ty không chịu rủi ro lãi suất lớn do Công ty có chính sách duy trì lãi suất cố định cho tất cả các khoản vay dài hạn. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Do đặc thù kinh doanh của công ty là cung cấp nước cho địa bàn Quận Thủ Đức và các vùng lân cận. Công ty mua nước từ nguồn chủ yếu là Tổng công ty cấp nước Sài Gòn nên về đơn giá mua phụ thuộc nhiều vào đơn giá của Tổng công ty.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2013			
Phải trả người bán	18.820.214.659	4.536.055.257	23.356.269.916
Các khoản vay	13.042.573.000	43.517.956.713	56.560.529.713
Chi phí phải trả	70.367.941	-	70.367.941
Nợ tài chính khác	46.326.025.026	55.391.795.753	101.717.820.779
Cộng	78.259.180.626	103.445.807.723	181.704.988.349
Tại 01/01/2013			
Phải trả người bán	27.143.327.504	7.451.867.726	34.595.195.230
Các khoản vay	10.550.828.000	36.052.382.039	46.603.210.039
Chi phí phải trả	309.145.302	-	309.145.302
Nợ tài chính khác	46.299.356.445	55.391.795.753	101.691.152.198
Cộng	84.302.657.251	98.896.045.518	183.198.702.769

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2013			
Tiền và tương đương tiền	32.597.337.499	-	32.597.337.499
Đầu tư ngắn hạn	68.700.000.000	-	68.700.000.000
Phải thu khách hàng	3.252.329.026	-	3.252.329.026
Tài sản tài chính khác	8.555.787.456	-	8.555.787.456
Cộng	113.105.453.981	-	113.105.453.981
Tại 01/01/2013			
Tiền và tương đương tiền	12.069.272.197	-	12.069.272.197
Đầu tư ngắn hạn	61.000.000.000	-	61.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.926.787.011	-	4.926.787.011
Tài sản tài chính khác	6.966.726.699	-	6.966.726.699
Cộng	84.962.785.907	-	84.962.785.907

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong năm 2013, tình hình doanh thu lợi nhuận theo ngành nghề của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức như sau:

Năm 2013	Cấp nước VND	Lắp đặt đồng hồ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.413.753.748	7.703.563.323	429.117.317.071
+ Giảm trừ doanh thu	159.228.624	12.984.116	172.212.740
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.254.525.124	7.690.579.207	428.945.104.331
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.254.525.124	7.690.579.207	428.945.104.331
Giá vốn bộ phận	250.609.490.857	4.006.129.131	254.615.619.988
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.645.034.267	3.684.450.076	174.329.484.343
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(151.631.685.279)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.697.799.064
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	6.400.809.638
Chi phí tài chính	-	-	(4.096.585.540)
Thu nhập khác	-	-	2.590.680.417
Chi phí khác	-	-	(467.380.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(5.669.240.766)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			21.456.082.108

Đối với khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty không theo dõi riêng biệt theo từng bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Mua hàng từ các bên liên quan	254.510.401.522	250.263.721.516
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	254.510.401.522	243.639.106.124
Lãi vay từ các bên liên quan	4.096.585.540	3.312.307.696
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	4.096.585.540	3.312.307.696
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>Tại 01/01/2013</u> <u>VND</u>
Phải thu khác		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	2.396.310.526	2.435.673.126
Trả trước người bán		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	-	47.998.743
Phải trả cho người bán		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	15.589.798.041	28.816.694.499
Phải trả khác ngắn hạn		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.060.338.432
Phải trả khác dài hạn		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	55.391.795.753	55.391.795.753
Các khoản vay		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	56.560.529.713	46.603.210.039
Phải thu về cổ phần hóa		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	399.247.150	399.247.150

33.2 THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH

	<u>Năm 2013</u>		
	<u>Lương và phụ cấp</u> <u>VND</u>	<u>Thưởng</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	802.497.045	233.047.040	1.035.544.085
Ban Giám đốc	1.115.176.554	168.309.320	1.283.485.874
Ban kiểm soát	252.373.604	33.300.032	285.673.636
Kế toán trưởng	331.065.307	16.650.016	347.715.323
Cộng	2.501.112.510	451.306.408	2.952.418.918

33.3 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Là Tài sản thuê hoạt động theo Hợp đồng số 4183/HĐ-TCT-KTTC ngày 28/12/2012 với Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn. Thời hạn thuê 1 năm, mục đích thuê để cung cấp nước sạch trên địa bàn của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Lành

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- HDQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Cầu